

Số: 88/QĐ-GDQPAN

Thanh Hoá, ngày 09 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp Chứng chỉ Giáo dục quốc phòng và an ninh đợt 4 năm 2023

GIÁM ĐỐC

**TRUNG TÂM GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC**

Căn cứ Thông tư liên tịch số 123/2015/TTLT-BQP-BGDĐT-BLĐTBXH ngày 05/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo, Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội Quy định tổ chức, hoạt động của trung tâm GDQPAN; liên kết GDQPAN của các trường cao đẳng, cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 3456/QĐ-UBND ngày 09/9/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá về việc đổi tên Trung tâm Giáo dục quốc phòng an ninh – sinh viên Thanh Hoá thành Trung tâm Giáo dục quốc phòng và an ninh Trường Đại học Hồng Đức và kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm;

Căn cứ Quyết định số 65/QĐ-ĐHHD ngày 10/08/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức về việc ban hành Quy định tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả môn học GDQPAN;

Xét đề nghị của Trường Ban Đào tạo và Quản lý sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả và cấp chứng chỉ GDQPAN cho 745 người học Trường Đại học Hồng Đức, 346 người học Trường Đại học Văn hoá, Thể thao và Du lịch Thanh Hoá và 173 người học Trường Cao đẳng Y Dược hợp lực, 271 người học Trường Cao đẳng Bách khoa Việt Nam, 29 người học Trường Cao đẳng Nghề Nghi Sơn đã hoàn thành chương trình môn học GDQPAN (Có danh sách kèm theo).

Điều 2. Ban đào tạo và Quản lý sinh viên có nhiệm vụ tổ chức cấp chứng chỉ GDQPAN cho người học theo danh sách trên.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Các Ông (bà) Trưởng Ban ĐT&QLSV, Trưởng Ban HCHC-KT, Trưởng Bộ môn, các đơn vị có liên quan và sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- HĐ GDQPAN tỉnh Thanh Hoá (để báo cáo);
- BGH Trường ĐHHD (để chỉ đạo);
- Ban Giám đốc TT, Trường ĐHVHTT&DL; Trường CDYDHL, Trường CDBKVN, Trường CDNNS;
- Như Điều 3;
- Lưu : VT, Ban ĐT&QLSV.

GIÁM ĐỐC



Bùi Văn Dũng

Thanh Hoá, ngày 09 tháng 11 năm 2023

DANH SÁCH

Người học đào tạo trình độ cao đẳng được cấp chứng chỉ GDQPAN Đợt 4 năm 2023

(Kèm theo quyết định số 88/QĐ-ĐHHD ngày 09 tháng 11 năm 2023
của Giám đốc Trung tâm GDQPAN Trường Đại học Hồng Đức)

STT	TT đại đội	Đại đội	Thông tin sinh viên				Kết quả	Xếp loại	Ghi chú
			Họ và	Tên	Ngày sinh	Lớp học			
I			Trường Cao đẳng Y Dược Hợp Lực						
1	1	c2	Phùng Văn	Anh	05/01/1985	Dược K14	7.70	Khá	
2	2	c2	Lê Văn	Bền	19/05/1983	Dược K14	7.35	Khá	
3	3	c2	Vũ Thành	Đạt	04/10/1996	Dược K14	7.05	Khá	
4	4	c2	Nguyễn Tiến	Dũng	21/01/1996	Dược K14	6.05	Trung bình	
5	5	c2	Lại Đăng	Dương	16/06/1977	Dược K14	8.30	Giỏi	
6	6	c2	Lê Đức	Hào	10/06/1985	Dược K14	5.80	Trung bình	
7	7	c2	Nguyễn Thị	Hương	20/03/1982	Dược K14	7.75	Khá	
8	8	c2	Lê Anh	Quân	04/09/1977	Dược K14	7.05	Khá	
9	9	c2	Nguyễn Hữu	Quý	12/03/1983	Dược K14	7.70	Khá	
10	10	c2	Nguyễn Đăng	Sơn	01/07/1996	Dược K14	7.15	Khá	
11	11	c2	Trần Thị	An	16/09/1980	Dược K14	7.75	Khá	
12	12	c2	Hoàng Thùy	Anh	13/09/2001	Dược K14	9.00	Xuất sắc	
13	13	c2	Phạm Thị Lan	Anh	03/06/1991	Dược K14	7.25	Khá	
14	14	c2	Vũ Thị Quỳnh	Anh	01/06/1993	Dược K13	7.35	Khá	
15	15	c2	Trịnh Thị Vân	Anh	09/03/1991	Dược K14	7.35	Khá	
16	16	c2	Lê Thị Hải	Anh	21/09/1987	Dược K14	6.83	Trung bình	
17	17	c2	Lê Thị	Bắc	30/09/1986	Dược K14	6.08	Trung bình	
18	18	c2	Trần Thị	Bích	07/07/1987	Dược K14	8.65	Giỏi	
19	19	c2	Quách Thị	Chinh	16/08/1982	Dược K14	7.15	Khá	
20	20	c2	Hà Thị	Chinh	05/03/1994	Dược K14	7.30	Khá	
21	21	c2	Nguyễn Thị	Chuyên	24/02/1996	Dược K14	8.20	Giỏi	
22	22	c2	Đinh Thị	Cúc	19/06/1983	Dược K14	7.80	Khá	
23	23	c2	Hoàng Thùy	Dung	02/08/1997	Dược K14	8.25	Giỏi	
24	24	c2	Trần Thị	Dung	05/04/1975	Dược K14	7.35	Khá	
25	25	c2	Trương Thị	Được	12/10/1990	Dược K14	6.65	Trung bình	
26	26	c2	Đinh Thị	Duyên	10/03/1992	Dược K14	6.50	Trung bình	
27	27	c2	Lê Thị	Giang	10/08/1987	Dược K14	7.85	Khá	
28	28	c2	Trần Thị	Hải	04/06/1987	Dược K14	7.08	Khá	
29	29	c2	Trịnh Thị	Hân	07/02/1990	Dược K14	7.45	Khá	
30	30	c2	Lê Thị	Hằng	02/03/1987	Dược K14	7.10	Khá	
31	31	c2	Phan Mỹ	Hạnh	14/12/1996	Dược K14	7.20	Khá	
32	32	c2	Đoàn Thị	Hoa	12/08/1997	Dược K14	7.00	Khá	
33	33	c2	Bùi Thị	Hoa	30/06/2003	Dược K14	6.65	Trung bình	
34	34	c2	Tô Thị	Hòa	20/10/1993	Dược K14	7.90	Khá	
35	35	c2	Ngô Thị	Hoa	07/04/1992	Dược K14	8.75	Giỏi	
36	36	c2	Lê Thị Thanh	Hoài	16/07/2001	Dược K14	6.65	Trung bình	
37	37	c2	Vũ Thị	Hồng	03/03/1981	Dược K14	6.80	Trung bình	

STT	TT đại đội	Đại đội	Thông tin sinh viên				Kết quả	Xếp loại	Ghi chú
			Họ và	Tên	Ngày sinh	Lớp học			
38	38	c2	Lê Thị	Hồng	08/08/1986	Dược K14	6.55	Trung bình	
39	39	c2	Lê Thị	Hồng	15/06/1992	Dược K14	7.55	Khá	
40	40	c2	Phạm Thị	Hồng	06/09/1984	Dược K14	7.30	Khá	
41	41	c2	Lê Thị	Hồng	08/10/1992	Dược K14	6.25	Trung bình	
42	42	c2	Hoàng Thị	Hồng	23/11/1991	Dược K14	7.13	Khá	
43	43	c2	Cao Thị	Hợp	15/12/1982	Dược K14	7.35	Khá	
44	44	c2	Hà Thị	Huệ	05/10/1993	Dược K14	7.05	Khá	
45	45	c2	Phạm Thị	Hương	29/04/1982	Dược K14	6.80	Trung bình	
46	46	c2	Tô Thị	Hương	27/07/1991	Dược K14	8.10	Giỏi	
47	47	c2	Nguyễn Thị	Hương	23/01/1986	Dược K14	7.35	Khá	
48	48	c2	Mai Thị Thu	Hương	27/11/1992	Dược K14	7.15	Khá	
49	49	c2	Phạm Thị	Hường	09/06/1989	Dược K14	7.95	Khá	
50	50	c2	Nguyễn Thị	Hường	24/03/1989	Dược K14	6.85	Trung bình	
51	51	c2	Lê Thị	Hường	10/12/1991	Dược K14	8.68	Giỏi	
52	52	c2	Cao Thị Thanh	Huyền	03/02/1982	Dược K14	6.95	Trung bình	
53	53	c2	Lê Thị	Huyền	05/09/1987	Dược K14	7.20	Khá	
54	54	c2	Ngô Thị	Huyền	13/05/1983	Dược K14	7.15	Khá	
55	55	c2	Thiệu Thị	Kha	07/09/1985	Dược K14	7.35	Khá	
56	56	c2	Trương Thị	Kiểu	04/08/1972	Dược K14	6.55	Trung bình	
57	57	c2	Lê Thị	Lan	27/02/2002	Dược K14	7.35	Khá	
58	58	c2	Lê Thị	Lan	28/03/1995	Dược K14	7.35	Khá	
59	59	c2	Nguyễn Thị	Liên	08/03/1987	Dược K14	7.70	Khá	
60	60	c2	Nguyễn Phan Thùy	Linh	05/04/2002	Dược K14	7.65	Khá	
61	61	c2	Vi Thùy	Linh	27/07/1997	Dược K14	7.75	Khá	
62	62	c2	Nguyễn Thị	Linh	18/08/1995	Dược K14	6.18	Trung bình	
63	63	c2	Bùi Thị	Loan	10/03/1987	Dược K14	7.40	Khá	
64	64	c2	Nguyễn Thị	Luật	07/05/1991	Dược K14	8.75	Giỏi	
65	65	c2	Trương Thị	Mai	07/02/1990	Dược K14	6.20	Trung bình	
66	66	c2	Lê Thị	Minh	24/01/1981	Dược K14	7.75	Khá	
67	67	c2	Trịnh Thị	Năm	10/05/1984	Dược K14	7.05	Khá	
68	68	c2	Bùi Linh	Nga	03/02/1992	Dược K14	6.70	Trung bình	
69	69	c2	Phạm Thị	Nga	25/12/1993	Dược K14	7.25	Khá	
70	70	c2	Nguyễn Thị	Ngân	20/05/1993	Dược K14	8.30	Giỏi	
71	71	c2	Nguyễn Thị	Ngọc	10/05/1989	Dược K14	8.23	Giỏi	
72	72	c2	Nguyễn Thị	Nguyệt	19/07/1994	Dược K14	7.55	Khá	
73	73	c2	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	28/11/1991	Dược K14	6.45	Trung bình	
74	74	c2	Vi Thị	Oai	17/03/1985	Dược K14	6.55	Trung bình	
75	75	c2	Trần Thị	Oanh	18/01/1995	Dược K14	8.20	Giỏi	
76	76	c2	Hà Thị	Oanh	01/11/1990	Dược K14	8.25	Giỏi	
77	77	c2	Trịnh Thị	Oanh	26/07/1990	Dược K14	8.35	Giỏi	
78	78	c2	Nguyễn Thị	Phượng	10/06/1989	Dược K14	6.60	Trung bình	
79	79	c2	Trần Thị	Quế	02/02/1979	Dược K14	5.85	Trung bình	
80	80	c2	Nguyễn Thị	Quyên	05/05/1999	Dược K14	7.00	Khá	
81	81	c2	Trịnh Thị	Quyên	11/02/1987	Dược K14	7.05	Khá	
82	82	c2	Nguyễn Thị	Sinh	28/06/1994	Dược K14	7.55	Khá	
83	83	c2	Nguyễn Thị	Tâm	15/01/1991	Dược K14	7.08	Khá	

STT	TT đại đội	Đại đội	Thông tin sinh viên				Kết quả	Xếp loại	Ghi chú
			Họ và	Tên	Ngày sinh	Lớp học			
84	84	c2	Hồ Thị	Tân	15/08/1993	Dược K14	6.65	Trung bình	
85	85	c2	Lê Thị	Tấn	08/11/1985	Dược K14	7.10	Khá	
86	1	c3	Lê Văn Anh	Tuấn	10/01/1996	Dược K14	5.65	Trung bình	
87	2	c3	Hà Văn	Hoan	05/09/1990	Dược K13	7.91	Khá	
88	3	c3	Ngô Đình	Thuận	07/01/1982	Dược K13	6.00	Trung bình	
89	4	c3	Nguyễn Ngọc	Tuấn	18/09/1989	Dược K13	7.10	Khá	
90	5	c3	Lê Văn	Lâm	10/12/1980	Dược K11	7.85	Khá	
91	6	c3	Nguyễn Văn	Linh	02/08/1991	Dược K11	7.33	Khá	
92	7	c3	Nguyễn Thanh	Lâm	24/02/1998	Điều Dưỡng K14	5.95	Trung bình	
93	8	c3	Vũ Văn	Thuận	05/06/1988	Điều Dưỡng K14	7.70	Khá	
94	9	c3	Trịnh Văn	Xô	10/06/1993	Điều Dưỡng K14	6.30	Trung bình	
95	10	c3	Hoàng Tuấn	Linh	30/12/1992	Điều Dưỡng K13	8.68	Giỏi	
96	11	c3	Mã Văn	Sơn	04/03/1985	Điều Dưỡng K13	8.46	Giỏi	
97	12	c3	Ngô Xuân	Tuấn	09/06/1990	Điều Dưỡng K13	5.78	Trung bình	
98	13	c3	Triệu Công	Huân	15/08/1993	Y Sứ K12	8.55	Giỏi	
99	14	c3	Lê Văn	Hoạt	04/10/2003	Y Sứ K13	6.08	Trung bình	
100	15	c3	Lê Huy	Khánh	01/08/1995	Y Sứ K13	7.70	Khá	
101	16	c3	Nguyễn Văn	Mạnh	16/03/2004	Y Sứ K13	7.38	Khá	
102	17	c3	Nguyễn Văn	Sơn	29/02/1996	Y Sứ K13	5.65	Trung bình	
103	18	c3	Lưu Thị	Tân	21/07/1991	Dược K14	8.20	Giỏi	
104	19	c3	Nguyễn Thị	Thắm	03/01/1994	Dược K14	7.15	Khá	
105	20	c3	Lê Thị	Thảo	20/11/1999	Dược K14	7.38	Khá	
106	21	c3	Trần Mai	Thu	02/01/2004	Dược K14	5.90	Trung bình	
107	22	c3	Lê Thị	Thu	27/08/1986	Dược K14	6.10	Trung bình	
108	23	c3	Kiều Thị	Thương	03/10/1989	Dược K14	6.30	Trung bình	
109	24	c3	Nguyễn Thị Út	Thương	05/06/1988	Dược K14	8.00	Giỏi	
110	25	c3	Phạm Thị	Thương	10/10/1992	Dược K14	6.63	Trung bình	
111	26	c3	Đỗ Thị	Thúy	01/10/1988	Dược K14	8.50	Giỏi	
112	27	c3	Vũ Thị	Thúy	09/05/1994	Dược K14	6.70	Trung bình	
113	28	c3	Nguyễn Thị	Trang	17/07/1994	Dược K14	6.70	Trung bình	
114	29	c3	Hà Thị Thu	Trang	31/12/2003	Dược K14	7.48	Khá	
115	30	c3	Đoàn Thị	Trang	01/01/1991	Dược K14	7.40	Khá	
116	31	c3	Lê Thị	Trang	23/02/1990	Dược K14	6.03	Trung bình	
117	32	c3	Lưu Thị	Trang	21/05/1998	Dược K14	5.88	Trung bình	
118	33	c3	Lê Thị	Trang	06/08/1991	Dược K14	6.20	Trung bình	
119	34	c3	Lê Thị	Tuyết	30/09/1977	Dược K14	6.65	Trung bình	
120	35	c3	Nguyễn Thị	Tuyết	10/10/1984	Dược K14	7.20	Khá	
121	36	c3	Trương Thị	Ty	27/09/1995	Dược K14	8.05	Giỏi	
122	37	c3	Phạm Thị	Vân	05/06/1992	Dược K14	6.55	Trung bình	
123	38	c3	Mai Thị	Vân	28/07/1989	Dược K14	6.55	Trung bình	
124	39	c3	Lê Thị	Vân	14/02/1992	Dược K14	7.20	Khá	
125	40	c3	Nguyễn Thị	Xuân	26/07/2003	Dược K14	6.40	Trung bình	
126	41	c3	Hà Thị	Xuyên	14/05/1983	Dược K14	7.30	Khá	
127	42	c3	Nguyễn Thị	Anh	15/09/1990	Dược K13	6.65	Trung bình	
128	43	c3	Đỗ Hồng	Duyên	13/04/1995	Dược K13	6.83	Trung bình	
129	44	c3	Lê Thị	Hiền	17/10/1979	Dược K13	6.53	Trung bình	

STT	TT đại đội	Đại đội	Thông tin sinh viên				Kết quả	Xếp loại	Ghi chú
			Họ và	Tên	Ngày sinh	Lớp học			
130	45	c3	Lữ Thị	Hiệp	10/06/1987	Dược K13	6.65	Trung bình	
131	46	c3	Nguyễn Thị	Linh	05/10/1992	Dược K13	7.30	Khá	
132	47	c3	Lê Thị	Loan	09/12/1991	Dược K13	6.55	Trung bình	
133	48	c3	Đinh Thị Kim	Ngân	08/12/1989	Dược K13	7.06	Khá	
134	49	c3	Lê Thị	Ngân	20/05/1986	Dược K13	7.05	Khá	
135	50	c3	Quách Thị	Nguyệt	08/01/1991	Dược K13	7.98	Khá	
136	51	c3	Nguyễn Thị Thu	Phương	08/08/1985	Dược K13	6.55	Trung bình	
137	52	c3	Hồ Thị	Phương	23/11/1992	Dược K13	6.50	Trung bình	
138	53	c3	Nguyễn Thị Băng	Tâm	26/12/1996	Dược K13	8.58	Giỏi	
139	54	c3	Nguyễn Thị	Xinh	09/06/1988	Dược K13	8.40	Giỏi	
140	55	c3	Lê Thị	Xoan	07/02/1999	Dược K13	6.75	Trung bình	
141	56	c3	Hoàng Thị Ngọc	Anh	20/05/1986	Điều Dưỡng K14	7.30	Khá	
142	57	c3	Trịnh Thị	Dung	07/04/1990	Điều Dưỡng K13	7.10	Khá	
143	58	c3	Lê Thị	Hằng	09/09/1984	Điều Dưỡng K14	6.10	Trung bình	
144	59	c3	Tổng Thị Thu	Hằng	02/08/1993	Điều Dưỡng K14	6.05	Trung bình	
145	60	c3	Nguyễn Thị	Hạnh	25/03/1989	Điều Dưỡng K14	6.60	Trung bình	
146	61	c3	Lê Thị	Lan	07/04/1993	Điều Dưỡng K14	9.03	Xuất sắc	
147	62	c3	Phạm Thị	Lan	15/11/1982	Điều Dưỡng K14	7.30	Khá	
148	63	c3	Vũ Thị	Nga	03/05/1993	Điều Dưỡng K14	8.28	Giỏi	
149	64	c3	Mai Thị	Nguyệt	10/08/1990	Điều Dưỡng K14	5.70	Trung bình	
150	65	c3	Lương Thị	Oanh	02/09/1981	Điều Dưỡng K14	6.60	Trung bình	
151	66	c3	Nguyễn Thị	Phượng	05/09/1990	Điều Dưỡng K14	8.83	Giỏi	
152	67	c3	Đàm Thị	Phượng	20/03/1994	Điều Dưỡng K14	7.13	Khá	
153	68	c3	Lê Thị	Quỳnh	06/12/1986	Điều Dưỡng K14	5.90	Trung bình	
154	69	c3	Phạm Thị	Quỳnh	05/07/1987	Điều Dưỡng K14	6.55	Trung bình	
155	70	c3	Lê thị	Thoa	19/09/1977	Điều Dưỡng K14	5.90	Trung bình	
156	71	c3	Hoàng Thị	Thùy	07/09/1992	Điều Dưỡng K14	7.03	Khá	
157	72	c3	Đỗ Thị	Xuân	10/09/1986	Điều Dưỡng K14	6.10	Trung bình	
158	73	c3	Nguyễn Khắc	Dũng	20/05/1997	Điều Dưỡng K13	7.85	Khá	
159	74	c3	Phạm Hà Thảo	Giang	17/10/1993	Điều Dưỡng K13	6.65	Trung bình	
160	75	c3	Đỗ Thị	Hằng	08/11/1988	Điều Dưỡng K13	5.90	Trung bình	
161	76	c3	Trần Thị	Hằng	16/12/1980	Điều Dưỡng K13	5.85	Trung bình	
162	77	c3	Trương Khánh	Linh	20/08/1992	Điều Dưỡng K13	5.78	Trung bình	
163	78	c3	Nguyễn Thị	Nghĩa	01/01/1980	Điều Dưỡng K13	7.30	Khá	
164	79	c3	Trịnh Thị	Nghĩa	05/11/1988	Điều Dưỡng K13	6.00	Trung bình	
165	80	c3	Vũ Thị	Nin	11/10/1977	Điều Dưỡng K13	5.58	Trung bình	
166	81	c3	Phạm Thị	Phong	20/07/1984	Điều Dưỡng K13	7.88	Khá	
167	82	c3	Nguyễn Thị	Tâm	10/12/1972	Điều Dưỡng K13	8.75	Giỏi	
168	83	c3	Ngô Thị	Thảo	06/11/1989	Điều Dưỡng K13	6.00	Trung bình	
169	84	c3	Nguyễn Thị Quỳnh	Vân	12/05/1996	Điều Dưỡng K13	6.60	Trung bình	
170	85	c3	Lê Minh	Hiếu	15/08/1992	Điều dưỡng K12	6.80	Trung bình	
171	86	c3	Lê Thanh	Hà	23/07/1987	Y Sứ K13	7.10	Khá	
172	87	c3	Bùi Thị	Thu	21/08/2001	Y Sứ K13	6.15	Trung bình	
173	88	c3	Lưu Thị	Hiền	30/09/1991	Y Sứ K14	8.50	Giỏi	
II			Cao đẳng Bách Khoa Việt Nam						
174	1	c9	Nguyễn Việt	Anh	27/12/2003	K09-CNTT-CD	6.10	Trung bình	

STT	TT đại đội	Đại đội	Thông tin sinh viên				Kết quả	Xếp loại	Ghi chú
			Họ và	Tên	Ngày sinh	Lớp học			
175	2	c9	Nguyễn Đình	Anh	11/05/2003	K09-CNTT-CD	6.00	Trung bình	
176	3	c9	Nguyễn Văn	Biên	17/01/2003	K09-CNTT-CD	8.53	Giỏi	
177	4	c9	Hà Duy	Chiến	08/07/2003	K09-CNTT-CD	7.25	Khá	
178	5	c9	Trần Đức	Dũng	26/08/2003	K09-CNTT-CD	8.15	Giỏi	
179	6	c9	Nguyễn Mạnh	Duy	06/08/2003	K09-CNTT-CD	8.68	Giỏi	
180	7	c9	Vũ Trọng	Đài	13/09/2003	K09-CNTT-CD	8.07	Giỏi	
181	8	c9	Nguyễn Văn	Đạt	12/02/2003	K09-CNTT-CD	6.47	Trung bình	
182	9	c9	Phạm Đình	Đạt	10/04/2003	K09-CNTT-CD	8.50	Giỏi	
183	10	c9	Lê Quốc	Đạt	20/08/2003	K09-CNTT-CD	7.00	Khá	
184	11	c9	Nguyễn Mạnh	Đức	07/05/2003	K09-CNTT-CD	7.38	Khá	
185	12	c9	Nguyễn Công	Đức	17/05/2002	K09-CNTT-CD	5.70	Trung bình	
186	13	c9	Nguyễn Trung	Đức	31/07/2003	K09-CNTT-CD	5.95	Trung bình	
187	14	c9	Nguyễn Hồng	Đức	17/11/2003	K09-CNTT-CD	6.50	Trung bình	
188	15	c9	Phan Anh	Đức	14/01/2003	K09-CNTT-CD	7.53	Khá	
189	16	c9	Hà Hoàng	Giang	25/11/2003	K09-CNTT-CD	7.67	Khá	
190	17	c9	Ngô Đức	Hiếu	04/08/2003	K09-CNTT-CD	7.07	Khá	
191	18	c9	Vũ Việt	Hoàng	15/07/2003	K09-CNTT-CD	8.00	Giỏi	
192	19	c9	Đặng Quang	Huân	31/07/2003	K09-CNTT-CD	9.02	Xuất sắc	
193	20	c9	Nguyễn Phi	Hùng	09/03/2003	K09-CNTT-CD	7.88	Khá	
194	21	c9	Vũ Ngọc	Huy	18/03/2003	K09-CNTT-CD	6.97	Trung bình	
195	22	c9	Đoàn Quang	Huy	10/09/2003	K09-CNTT-CD	8.22	Giỏi	
196	23	c9	Nguyễn Gia	Huy	19/11/2003	K09-CNTT-CD	7.25	Khá	
197	24	c9	Nguyễn Kim	Huy	06/02/2003	K09-CNTT-CD	7.48	Khá	
198	25	c9	Nguyễn Văn	Hưng	27/01/2003	K09-CNTT-CD	5.90	Trung bình	
199	26	c9	Nguyễn Quang	Khải	22/11/2003	K09-CNTT-CD	7.05	Khá	
200	27	c9	Trần Duy	Khánh	07/09/2003	K09-CNTT-CD	5.90	Trung bình	
201	28	c9	Hoàng Văn	Khánh	13/11/2003	K09-CNTT-CD	6.37	Trung bình	
202	29	c9	Nguyễn Quang	Linh	10/10/2003	K09-CNTT-CD	5.93	Trung bình	
203	30	c9	Phạm Bảo	Long	02/06/2003	K09-CNTT-CD	8.77	Giỏi	
204	31	c9	Nguyễn Văn	Long	15/11/2003	K09-CNTT-CD	8.03	Giỏi	
205	32	c9	Nguyễn Văn	Luân	08/08/2003	K09-CNTT-CD	7.33	Khá	
206	33	c9	Nguyễn Tiến	Mạnh	01/11/2003	K09-CNTT-CD	8.43	Giỏi	
207	34	c9	Hoàng Đức	Minh	17/09/2003	K09-CNTT-CD	6.87	Trung bình	
208	35	c9	Hoàng Văn	Minh	29/04/2003	K09-CNTT-CD	8.22	Giỏi	
209	36	c9	Nguyễn Đại	Minh	04/05/2003	K09-CNTT-CD	7.70	Khá	
210	37	c9	Đinh Xuân	Ngọc	02/12/2003	K09-CNTT-CD	8.20	Giỏi	
211	38	c9	Hoàng Công Minh	Ngọc	01/08/2003	K09-CNTT-CD	7.35	Khá	
212	39	c9	Nguyễn Văn	Nguyễn	14/03/2003	K09-CNTT-CD	8.70	Giỏi	
213	40	c9	Trần Tiên	Phong	19/07/2003	K09-CNTT-CD	8.27	Giỏi	
214	41	c9	Nguyễn Đăng	Quang	21/07/2003	K09-CNTT-CD	7.85	Khá	
215	42	c9	Lê Minh	Quân	22/12/2003	K09-CNTT-CD	7.20	Khá	
216	43	c9	Nguyễn Minh	Quân	26/09/2003	K09-CNTT-CD	7.90	Khá	
217	44	c9	Nguyễn Đăng	Tài	24/04/2003	K09-CNTT-CD	7.70	Khá	
218	45	c9	Phạm Văn	Tấn	17/02/2003	K09-CNTT-CD	6.87	Trung bình	
219	46	c9	Nguyễn Văn	Tây	20/05/2003	K09-CNTT-CD	8.07	Giỏi	
220	47	c9	Lương Văn	Tú	28/12/2003	K09-CNTT-CD	8.40	Giỏi	

STT	TT đại đội	Đại đội	Thông tin sinh viên				Kết quả	Xếp loại	Ghi chú
			Họ và	Tên	Ngày sinh	Lớp học			
221	48	c9	Nguyễn Hoàng	Tú	28/06/2003	K09-CNTT-CD	7.93	Khá	
222	49	c9	Bùi Anh	Tuấn	20/11/2001	K09-CNTT-CD	7.65	Khá	
223	50	c9	Phạm Văn	Tuyên	17/01/2003	K09-CNTT-CD	8.17	Giỏi	
224	51	c9	Đỗ Thế	Thanh	19/08/2003	K09-CNTT-CD	8.48	Giỏi	
225	52	c9	Trần Đức	Thịnh	05/08/2003	K09-CNTT-CD	6.27	Trung bình	
226	53	c9	Lê Vĩnh	Thịnh	25/10/2003	K09-CNTT-CD	8.10	Giỏi	
227	54	c9	Đào Đức	Trọng	14/06/2003	K09-CNTT-CD	7.92	Khá	
228	55	c9	Trần Văn	Trung	24/03/2003	K09-CNTT-CD	8.02	Giỏi	
229	56	c9	Trần Việt	Trung	12/03/2003	K09-CNTT-CD	7.60	Khá	
230	57	c9	Nguyễn Quang	Vinh	01/11/2003	K09-CNTT-CD	5.80	Trung bình	
231	58	c9	Vũ Minh	Vương	30/12/2003	K09-CNTT-CD	7.55	Khá	
232	59	c9	Trịnh Bá	Vượng	07/08/2003	K09-CNTT-CD	7.70	Khá	
233	60	c9	Nguyễn Đức	Anh	20/10/2002	K09-CNTT-CD	7.50	Khá	
234	61	c9	Chu Hoàng	Anh	10/10/2003	K09-CNTT-CD	5.95	Trung bình	
235	62	c9	Nguyễn Đức	Anh	15/01/2003	K09-CNTT-CD	8.37	Giỏi	
236	63	c9	Trịnh Việt	Anh	30/09/2003	K09-CNTT-CD	8.17	Giỏi	
237	64	c9	Trần Văn	Bảo	28/09/2003	K09-CNTT-CD	5.85	Trung bình	
238	65	c9	Trần Xuân	Biển	22/10/2003	K09-CNTT-CD	6.05	Trung bình	
239	66	c9	Nguyễn Thành	Công	07/06/2003	K09-CNTT-CD	5.65	Trung bình	
240	67	c9	Vũ Huy Chí	Cường	23/09/2003	K09-CNTT-CD	8.52	Giỏi	
241	68	c9	Nguyễn Mạnh	Cường	12/10/2003	K09-CNTT-CD	7.10	Khá	
242	69	c9	Nguyễn Đức	Duy	16/09/2003	K09-CNTT-CD	7.70	Khá	
243	70	c9	Nguyễn Thành	Duy	08/10/2003	K09-CNTT-CD	8.12	Giỏi	
244	71	c9	Trần Minh	Duy	10/03/2003	K09-CNTT-CD	7.10	Khá	
245	72	c9	Nguyễn Tiến	Đạt	02/11/2003	K09-CNTT-CD	8.25	Giỏi	
246	73	c9	Trần Việt	Đức	20/04/2003	K09-CNTT-CD	7.15	Khá	
247	74	c9	Vũ Đức	Hải	20/08/2003	K09-CNTT-CD	5.95	Trung bình	
248	75	c9	Nguyễn Kim	Anh	20/11/2003	K09-CNTT-CD	6.90	Trung bình	
249	76	c9	Đỗ Duy	Hiếu	28/02/2003	K09-CNTT-CD	5.70	Trung bình	
250	77	c9	Phạm Quang	Học	10/12/2002	K09-CNTT-CD	6.50	Trung bình	
251	78	c9	Bùi Văn	Huân	28/09/2003	K09-CNTT-CD	6.00	Trung bình	
252	79	c9	Trịnh Văn	Hùng	23/04/2003	K09-CNTT-CD	6.47	Trung bình	
253	80	c9	Nguyễn Hữu Quang	Huy	10/10/2002	K09-CNTT-CD	5.90	Trung bình	
254	81	c9	Lê Tuấn	Hưng	04/11/2001	K09-CNTT-CD	8.93	Giỏi	
255	82	c9	Phạm Trung	Kiên	17/09/2003	K09-CNTT-CD	6.10	Trung bình	
256	83	c9	Nguyễn Nam	Khánh	15/11/2003	K09-CNTT-CD	7.77	Khá	
257	84	c9	Phùng Văn	Liêm	20/11/2003	K09-CNTT-CD	7.67	Khá	
258	85	c9	Nguyễn Văn	Linh	07/08/2003	K09-CNTT-CD	8.07	Giỏi	
259	86	c9	Lê Xuân	Long	08/08/2003	K09-CNTT-CD	6.70	Trung bình	
260	87	c9	Hồ Phát	Lợi	08/11/2003	K09-CNTT-CD	5.90	Trung bình	
261	88	c9	Phạm Đức	Mạnh	20/03/2003	K09-CNTT-CD	8.73	Giỏi	
262	89	c9	Bùi Văn	Minh	13/05/2003	K09-CNTT-CD	8.95	Giỏi	
263	90	c9	Nguyễn Đức	Minh	10/01/2003	K09-CNTT-CD	7.62	Khá	
264	91	c9	Vũ Quang	Minh	05/03/2003	K09-CNTT-CD	8.17	Giỏi	
265	92	c9	Hoàng Anh	Phong	03/10/2001	K09-CNTT-CD	7.35	Khá	
266	93	c9	Bùi Hoàng	Phúc	20/01/2003	K09-CNTT-CD	6.32	Trung bình	

STT	TT đại đội	Đại đội	Thông tin sinh viên				Kết quả	Xếp loại	Ghi chú
			Họ và	Tên	Ngày sinh	Lớp học			
267	94	c9	Nguyễn Văn	Phương	21/10/2003	K09-CNTT-CD	9.15	Xuất sắc	
268	95	c9	Nguyễn Xuân	Quý	16/09/2003	K09-CNTT-CD	7.83	Khá	
269	96	c9	Nguyễn Đăng	Quang	19/09/2003	K09-CNTT-CD	7.70	Khá	
270	97	c9	Nguyễn Xuân	Sơn	08/12/2003	K09-CNTT-CD	8.40	Giỏi	
271	98	c9	Lê Văn	Sỹ	15/08/2003	K09-CNTT-CD	7.70	Khá	
272	99	c9	Lê Công	Tân	16/11/2003	K09-CNTT-CD	6.27	Trung bình	
273	100	c9	Nguyễn Văn	Tiến	13/03/2003	K09-CNTT-CD	6.42	Trung bình	
274	101	c9	Đinh Đức	Toàn	26/11/2003	K09-CNTT-CD	8.65	Giỏi	
275	102	c9	Nguyễn Văn	Toán	16/09/2000	K09-CNTT-CD	7.35	Khá	
276	103	c9	Lê Quốc	Tuấn	18/02/2003	K09-CNTT-CD	6.13	Trung bình	
277	104	c9	Trần Hoàng	Tùng	09/07/2003	K09-CNTT-CD	7.98	Khá	
278	105	c9	Vũ Xuân	Tùng	24/07/2003	K09-CNTT-CD	7.62	Khá	
279	106	c9	Lê Thanh	Tùng	08/06/2003	K09-CNTT-CD	8.30	Giỏi	
280	107	c9	Ngô Duy	Thái	03/09/2003	K09-CNTT-CD	8.55	Giỏi	
281	108	c9	Nguyễn Phú	Thành	31/07/2003	K09-CNTT-CD	7.90	Khá	
282	109	c9	Chu Quang	Thiết	27/09/2003	K09-CNTT-CD	8.37	Giỏi	
283	110	c9	Nguyễn Cát	Thịnh	13/11/2003	K09-CNTT-CD	6.23	Trung bình	
284	111	c9	Nguyễn Minh	Thuận	27/07/2003	K09-CNTT-CD	6.67	Trung bình	
285	112	c9	Trần Quang	Trọng	16/02/2003	K09-CNTT-CD	6.05	Trung bình	
286	113	c9	Lê Thành	Vương	26/09/2003	K09-CNTT-CD	6.15	Trung bình	
287	114	c9	Bùi Thị	Hằng	24/11/2003	K09-CNTT-CD	7.50	Khá	
288	115	c9	Phùng Thị Thu	Mai	24/03/2003	K09-CNTT-CD	7.40	Khá	
289	116	c9	Phạm Thùy	Trang	12/07/2003	K09-CNTT-CD	8.10	Giỏi	
290	1	c10	Nguyễn Thị Thùy	Dung	07/09/2001	K09-TTQ1-CDHN	7.35	Khá	
291	2	c10	Trần Hương	Giang	13/01/2003	K09-TTQ1-CDHN	7.90	Khá	
292	3	c10	Hoàng Thị Thu	Hà	14/02/2003	K09-TTQ1-CDHN	8.40	Giỏi	
293	4	c10	Nguyễn Thị Minh	Hà	08/04/2003	K09-TTQ1-CDHN	5.70	Trung bình	
294	5	c10	Trần Thu	Hà	05/08/2003	K09-TTQ1-CDHN	5.80	Trung bình	
295	6	c10	Nguyễn Thị	Ngân	05/01/2003	K09-TTQ1-CDHN	8.18	Giỏi	
296	7	c10	Lý Thị	Ngọc	24/04/2003	K09-TTQ1-CDHN	8.17	Giỏi	
297	8	c10	Nguyễn Thị	Nguyệt	13/05/2003	K09-TTQ1-CDHN	8.58	Giỏi	
298	9	c10	Trần Thị Cúc	Phương	04/11/2003	K09-TTQ1-CDHN	9.02	Xuất sắc	
299	10	c10	Nguyễn Thị Thuý	Linh	21/01/2001	K09-TTQ1-CDHN	5.75	Trung bình	
300	11	c10	Hoàng Thị	Hạnh	02/08/2003	K09-TNB1-CDHN	8.65	Giỏi	
301	12	c10	Phạm Thị	Mai	09/11/2003	K09-TNB1-CDHN	5.95	Trung bình	
302	13	c10	Nguyễn Thị Hải	Yến	20/10/2003	K09-TNB1-CDHN	7.77	Khá	
303	14	c10	Phan Thùy	Dương	31/10/2004	K09-TNB1-CDHN	8.87	Giỏi	
304	15	c10	Trần Việt	Anh	31/10/2003	K09-DCN1-CDHN	7.22	Khá	
305	16	c10	Nguyễn Ngọc	Dương	24/11/2003	K09-DCN1-CDHN	5.88	Trung bình	
306	17	c10	Trịnh Xuân	Hải	12/02/2003	K09-DCN1-CDHN	7.03	Khá	
307	18	c10	Nguyễn Ngọc	Hùng	12/12/2003	K09-DCN1-CDHN	8.45	Giỏi	
308	19	c10	Hán Văn	Long	02/08/2003	K09-DCN1-CDHN	7.43	Khá	
309	20	c10	Lê Đức	Long	26/05/2003	K09-DCN1-CDHN	5.75	Trung bình	
310	21	c10	Nguyễn Lương	Quý	23/05/2003	K09-DCN1-CDHN	8.05	Giỏi	
311	22	c10	Phạm Đình	Thanh	23/04/2003	K09-DCN1-CDHN	5.93	Trung bình	
312	23	c10	Phạm Hoàng	Vũ	25/06/2003	K09-DCN1-CDHN	6.05	Trung bình	

STT	TT đại đội	Đại đội	Thông tin sinh viên				Kết quả	Xếp loại	Ghi chú
			Họ và	Tên	Ngày sinh	Lớp học			
313	24	c10	Dương Văn	Trọng	24/06/2003	K09-DCN1-CDHN	7.47	Khá	
314	25	c10	Lê Văn	An	16/10/2003	K09-CN0T1-CDHN	8.30	Giỏi	
315	26	c10	Bùi Nguyên	Bắc	10/05/2003	K09-CN0T1-CDHN	8.35	Giỏi	
316	27	c10	Lê Phú	Bằng	25/11/2003	K09-CN0T1-CDHN	8.63	Giỏi	
317	28	c10	Nguyễn Đình	Cường	24/01/2003	K09-CN0T1-CDHN	6.08	Trung bình	
318	29	c10	Mai Đức	Chiến	06/01/2003	K09-CN0T1-CDHN	7.75	Khá	
319	30	c10	Trần Văn	Duy	20/04/2003	K09-CN0T1-CDHN	8.40	Giỏi	
320	31	c10	Bùi Văn	Đức	18/06/2003	K09-CN0T1-CDHN	8.73	Giỏi	
321	32	c10	Đào Duy	Đức	09/12/2003	K09-CN0T1-CDHN	8.37	Giỏi	
322	33	c10	Nguyễn Duy	Đức	08/02/2003	K09-CN0T1-CDHN	6.15	Trung bình	
323	34	c10	Vũ Văn	Hải	25/06/2002	K09-CN0T1-CDHN	8.40	Giỏi	
324	35	c10	Đặng Ngọc	Hành	15/11/2002	K09-CN0T1-CDHN	6.10	Trung bình	
325	36	c10	Phan Trọng	Hoàng	16/04/2003	K09-CN0T1-CDHN	7.75	Khá	
326	37	c10	Hà Huy	Hùng	03/08/2003	K09-CN0T1-CDHN	5.67	Trung bình	
327	38	c10	Nguyễn Đức	Hùng	17/04/2003	K09-CN0T1-CDHN	7.52	Khá	
328	39	c10	Nguyễn Đình	Kiên	11/08/2003	K09-CN0T1-CDHN	8.33	Giỏi	
329	40	c10	Dương Văn	Khánh	12/10/2003	K09-CN0T1-CDHN	7.02	Khá	
330	41	c10	Nguyễn Văn	Lâm	17/08/2003	K09-CN0T1-CDHN	6.05	Trung bình	
331	42	c10	Vũ Đức	Mạnh	29/11/2003	K09-CN0T1-CDHN	8.50	Giỏi	
332	43	c10	Nguyễn Ngọc	Minh	04/04/2003	K09-CN0T1-CDHN	8.17	Giỏi	
333	44	c10	Võ Văn	Nam	25/10/2003	K09-CN0T1-CDHN	6.30	Trung bình	
334	45	c10	Nguyễn Trung	Nghĩa	20/05/1997	K09-CN0T1-CDHN	8.65	Giỏi	
335	46	c10	Lê Hữu	Phát	07/12/2003	K09-CN0T1-CDHN	7.70	Khá	
336	47	c10	Lương Văn	Tuân	03/07/2003	K09-CN0T1-CDHN	8.02	Giỏi	
337	48	c10	Ngô Quang	Trường	19/11/2003	K09-CN0T1-CDHN	8.58	Giỏi	
338	49	c10	Vũ Minh	Hùng	09/08/2002	K09-CN0T1-CDHN	7.65	Khá	
339	50	c10	Đinh Hải	Anh	26/10/2003	K9-CNTT-B1	6.03	Trung bình	
340	51	c10	Nguyễn Hoàng	Anh	30/04/2003	K9-CNTT-B1	7.43	Khá	
341	52	c10	Nguyễn Hữu	Đức	03/12/2003	K9-CNTT-B1	8.57	Giỏi	
342	53	c10	Nguyễn Duy	Hiếu	19/9/2003	K9-CNTT-B1	6.70	Trung bình	
343	54	c10	Nguyễn Trung	Hiếu	28/12/2003	K9-CNTT-B1	8.53	Giỏi	
344	55	c10	Đặng Quang	Khải	15/01/2003	K9-CNTT-B1	7.90	Khá	
345	56	c10	Phạm Văn	Khương	04/07/2003	K9-CNTT-B1	8.17	Giỏi	
346	57	c10	Hoàng Phúc	Lâm	20/11/2003	K9-CNTT-B1	7.35	Khá	
347	58	c10	Nguyễn Quốc	Linh	07/03/2003	K9-CNTT-B1	7.62	Khá	
348	59	c10	Nguyễn Đức	Sâm	27/11/2003	K9-CNTT-B1	7.95	Khá	
349	60	c10	Nguyễn Văn	Thái	05/11/2003	K9-CNTT-B1	7.33	Khá	
350	61	c10	Nguyễn Văn	Trường	22/7/2003	K9-CNTT-B1	7.90	Khá	
351	62	c10	Lê Quang	Huy	02.02.2002	K9-CNTT-B1	7.82	Khá	
352	63	c10	Hà Minh	Bảo	06.12.2003	K9-CN0T-B1	8.12	Giỏi	
353	64	c10	Trần Nguyễn	Chính	03.11.2003	K9-CN0T-B1	7.30	Khá	
354	65	c10	Nguyễn Tiến	Dũng	21.10.2003	K9-CN0T-B1	7.83	Khá	
355	66	c10	Ngô Trí	Dương	07.10.2003	K9-CN0T-B1	7.18	Khá	
356	67	c10	Nguyễn Hồng	Thái	14.06.2003	K9-CN0T-B1	7.27	Khá	
357	68	c10	Tráng A	Cải	21.09.2003	K9-CN0T-B1	8.60	Giỏi	
358	69	c10	Nguyễn Đình Anh	Đức	03.05.2002	K9-CN0T-B1	7.75	Khá	

STT	TT đại đội	Đại đội	Thông tin sinh viên				Kết quả	Xếp loại	Ghi chú
			Họ và	Tên	Ngày sinh	Lớp học			
359	70	c10	Nguyễn Đức	Đạt	20.02.2003	K9-CN0T-B1	7.55	Khá	
360	71	c10	Lưu Gia	Huỳnh	30/06/2002	K08-CN0T-B1	9.02	Xuất sắc	
361	72	c10	Nguyễn Huy	Hoàng	30/11/2003	K08-CN0T	7.18	Khá	
362	73	c10	Lê Đình	Hùng	22/08/2003	K08-CN0T	6.18	Trung bình	
363	74	c10	Quách Anh	Quân	26/02/2003	K08-CN0T	7.98	Khá	
364	75	c10	Nguyễn Bá	Phúc	27/08/2003	K08-CN0T	6.10	Trung bình	
365	76	c10	Phạm Minh	Tú	15/02/2003	K08-CN0T	6.08	Trung bình	
366	77	c10	Trần Quang	Kiên	08/06/2003	K08-CN0T	8.22	Giỏi	
367	78	c10	Nguyễn Đăng	Tiến	25/08/2003	K08-CN0T	7.60	Khá	
368	79	c10	Nguyễn Quốc	Hung	19/05/2003	K08-CN0T	6.45	Trung bình	
369	80	c10	Nguyễn Xuân	Huy	23/05/2003	K08-ĐCN	7.20	Khá	
370	81	c10	Vũ Tiến	Phúc	11/06/2003	K08-ĐCN	7.33	Khá	
371	82	c10	Nguyễn Thế	Đức	11/07/2003	K08-ĐCN	6.10	Trung bình	
372	83	c10	Lê Minh	Hải	12/06/2003	K08-ĐCN	7.90	Khá	
373	84	c10	Đỗ Việt	Tuấn	28/12/2004	K08-ĐCN	8.22	Giỏi	
374	85	c10	Đào Tuấn	Hùng	13/10/2005	K08-ĐCN	8.83	Giỏi	
375	1	c53	Nguyễn Văn	Cao	13/01/2001	K08-CN0T1 - CDHN	7.35	Khá	
376	2	c53	Phạm Đình	Đức	02/04/2001	K08-CN0T1 - CDHN	6.55	Trung bình	
377	3	c53	Trần Ánh	Dương	27/05/2002	K08-CN0T1 - CDHN	6.20	Trung bình	
378	4	c53	Hoàng Việt	Hà	02/06/2002	K08-CN0T1 - CDHN	8.50	Giỏi	
379	5	c53	Nguyễn Minh	Hiếu	22/11/2002	K08-CN0T1 - CDHN	6.35	Trung bình	
380	6	c53	Lê Khánh	Hòa	27/10/2002	K08-CN0T1 - CDHN	6.20	Trung bình	
381	7	c53	Vũ Mạnh	Hùng	30/10/2002	K08-CN0T1 - CDHN	7.40	Khá	
382	8	c53	Nguyễn Văn	Huy	04/01/2001	K08-CN0T1 - CDHN	8.65	Giỏi	
383	9	c53	Nguyễn Văn	Long	09/10/2002	K08-CN0T1 - CDHN	7.35	Khá	
384	10	c53	Trần Văn	Quyết	27/05/2002	K08-CN0T1 - CDHN	8.00	Giỏi	
385	11	c53	Vũ Thành	Sơn	02/12/2002	K08-CN0T1 - CDHN	7.40	Khá	
386	12	c53	Lê Xuân	Tiến	18/02/2001	K08-CN0T1 - CDHN	8.30	Giỏi	
387	13	c53	Trần Văn	Thành	26/06/2001	K08-CN0T1 - CDHN	7.85	Khá	
388	14	c53	Phạm Xuân	Trường	06/03/1999	K08-CN0T1 - CDHN	9.75	Xuất sắc	
389	15	c53	Nguyễn Giang Tú	Anh	23/03/2002	K08-CN0T1 - CDHN	8.75	Giỏi	
390	16	c53	Mùa A	Chân	10/10/2001	K08-CN0T1 - CDHN	7.75	Khá	
391	17	c53	Lương Mạnh	Dương	20/09/2001	K08-CN0T1 - CDHN	6.35	Trung bình	
392	18	c53	Nguyễn Khương	Duy	05/10/2002	K08-CN0T1 - CDHN	8.65	Giỏi	
393	19	c53	Dương Văn	Hào	28/05/2002	K08-CN0T1 - CDHN	8.60	Giỏi	
394	20	c53	Phan Chí	Hiếu	18/02/2002	K08-CN0T1 - CDHN	7.55	Khá	
395	21	c53	Nguyễn Quốc	Hoàn	24/09/2002	K08-CN0T1 - CDHN	7.30	Khá	
396	22	c53	Đàm Văn	Hoàng	17/10/2002	K08-CN0T1 - CDHN	8.85	Giỏi	
397	23	c53	Lương Quang	Huy	10/10/2002	K08-CN0T1 - CDHN	8.65	Giỏi	
398	24	c53	Phan Quang	Huy	03/11/2002	K08-CN0T1 - CDHN	7.95	Khá	
399	25	c53	Nguyễn Thành	Long	08/01/2002	K08-CN0T1 - CDHN	8.60	Giỏi	
400	26	c53	Lê Hồng	Phong	25/08/2002	K08-CN0T1 - CDHN	7.50	Khá	
401	27	c53	Trương Đình	Thành	21/02/2002	K08-CN0T1 - CDHN	8.00	Giỏi	
402	28	c53	Phùng Quốc	Trọng	27/05/2002	K08-CN0T1 - CDHN	6.20	Trung bình	
403	29	c53	Hà Đình	Trường	12/09/2002	K08-CN0T1 - CDHN	7.40	Khá	
404	30	c53	Trần Thế	Anh	02/11/2001	K08-CN0T2 - CDHN	8.65	Giỏi	

STT	TT đại đội	Đại đội	Thông tin sinh viên				Kết quả	Xếp loại	Ghi chú
			Họ và	Tên	Ngày sinh	Lớp học			
405	31	c53	Phạm Văn	Long	14/11/2000	K08-CN0T2 - CDHN	8.75	Giỏi	
406	32	c53	Bùi Hoàng	Đan	14/03/2002	K08-CN0T2 - CDHN	8.00	Giỏi	
407	33	c53	Nguyễn Ngọc	Hưng	18/08/2002	K08-CN0T2 - CDHN	8.50	Giỏi	
408	34	c53	Bùi Việt	Hoàng	09/09/2001	K08-CN0T2 - CDHN	6.00	Trung bình	
409	35	c53	Lành Văn	Khảo	22/03/2002	K08-CN0T2 - CDHN	8.70	Giỏi	
410	36	c53	Ngô Tuấn	Kiệt	27/01/2002	K08-CN0T2 - CDHN	8.95	Giỏi	
411	37	c53	Vũ Công	Lộc	05/02/2002	K08-CN0T2 - CDHN	7.30	Khá	
412	38	c53	Đỗ Tuấn	Phong	06/10/2002	K08-CN0T2 - CDHN	5.90	Trung bình	
413	39	c53	Bùi Đức	Quý	14/03/2002	K08-CN0T2 - CDHN	6.90	Trung bình	
414	40	c53	Vũ Minh	Thành	12/09/2002	K08-CN0T2 - CDHN	8.45	Giỏi	
415	41	c53	Trương Minh	Tiến	17/10/2002	K08-CN0T2 - CDHN	8.70	Giỏi	
416	42	c53	Văn Đức	Toàn	26/12/2002	K08-CN0T2 - CDHN	8.60	Giỏi	
417	43	c53	Phạm Thanh	Tường	04/01/2002	K08-CN0T2 - CDHN	6.25	Trung bình	
418	44	c53	Mai Xuân	Trường	16/09/2002	K08-CN0T2 - CDHN	8.55	Giỏi	
419	45	c53	Trần Xuân	Viên	25/10/2002	K08-CN0T2 - CDHN	8.60	Giỏi	
420	46	c53	Phạm Hữu	Vũ	01/05/2002	K08-CN0T2 - CDHN	6.60	Trung bình	
421	47	c53	Nguyễn Tiến	Cường	15/09/2002	K08-CN0T2 - CDHN	8.70	Giỏi	
422	48	c53	Nguyễn Tiến	Đạt	31/10/2002	K08-CN0T2 - CDHN	6.80	Trung bình	
423	49	c53	Trần Văn	Đạt	09/03/2002	K08-CN0T2 - CDHN	9.00	Xuất sắc	
424	50	c53	Bùi Công	Khánh	01/09/2002	K08-CN0T2 - CDHN	6.05	Trung bình	
425	51	c53	Trần Văn	Khởi	20/05/2002	K08-CN0T2 - CDHN	6.25	Trung bình	
426	52	c53	Bùi Đức	Toàn	13/11/2002	K08-CN0T2 - CDHN	7.40	Khá	
427	53	c53	Dương Văn	Mạnh	22/11/2002	K08-CN0T2 - CDHN	7.70	Khá	
428	54	c53	Lương Văn	Toàn	03/08/2002	K08-CN0T2 - CDHN	7.40	Khá	
429	55	c53	Nguyễn Văn	Tuấn	17/01/2002	K08-CN0T2 - CDHN	8.10	Giỏi	
430	56	c53	Nghiêm Việt	Anh	10/10/2002	K08-CNTT - CDHN	7.90	Khá	
431	57	c53	Nguyễn Quang	Anh	30/12/2002	K08-CNTT - CDHN	8.60	Giỏi	
432	58	c53	Vũ Quốc	Cơ	06/09/2002	K08-CNTT - CDHN	6.80	Trung bình	
433	59	c53	Trần Xuân	Cường	02/01/2002	K08-CNTT - CDHN	6.80	Trung bình	
434	60	c53	Nguyễn Trung	Khải	29/11/2002	K08-CNTT - CDHN	8.60	Giỏi	
435	61	c53	Nguyễn Xuân Lộc	Minh	05/11/2002	K08-CNTT - CDHN	7.25	Khá	
436	62	c53	Đàm Văn	Nam	17/10/2002	K08-CNTT - CDHN	8.70	Giỏi	
437	63	c53	Bách Văn	Sơn	01/02/2002	K08-CNTT - CDHN	8.05	Giỏi	
438	64	c53	Vũ Đức	Thiệp	10/03/2002	K08-CNTT - CDHN	6.20	Trung bình	
439	65	c53	Trần Duy	Đạt	19/08/2002	K08-ĐCN-CDHN	8.50	Giỏi	
440	66	c53	Nguyễn Văn	Đức	06/08/2001	K08-ĐCN-CDHN	7.40	Khá	
441	67	c53	Nguyễn Duy	Kiên	15/04/2002	K08-ĐCN-CDHN	8.15	Giỏi	
442	68	c53	Đinh Văn	Sang	20/04/2002	K08-ĐCN-CDHN	8.55	Giỏi	
443	69	c53	Bùi Ngọc	Tính	30/07/2002	K08-ĐCN-CDHN	7.45	Khá	
444	70	c53	Trần Đức	Thiêm	07/11/2002	K08-ĐCN-CDHN	6.25	Trung bình	
III		Cao đẳng nghề Nghi Sơn							
445	1	c53'	Trương Bá Tuấn	Anh	18/11/2004	Công nghệ ô tô	8.10	Giỏi	
446	2	c53'	Lương Văn	Công	01/10/2004	Công nghệ ô tô	7.45	Khá	
447	3	c53'	Lê Xuân	Minh	14/06/2004	Công nghệ ô tô	8.15	Giỏi	
448	4	c53'	Nguyễn Trọng	Trường	20/09/1994	Công nghệ ô tô	9.35	Xuất sắc	
449	5	c53'	Trần Công	Minh	30/09/2000	Công nghệ ô tô	8.55	Giỏi	

STT	TT đại đội	Đại đội	Thông tin sinh viên				Kết quả	Xếp loại	Ghi chú
			Họ và	Tên	Ngày sinh	Lớp học			
450	6	c53'	Mai Anh	Đức	30/04/2004	Điện công nghiệp	7.85	Khá	
451	7	c53'	Trần Công	Hậu	22/09/2004	Điện công nghiệp	7.10	Khá	
452	8	c53'	Lê Thế	Hoàng	03/01/2004	Điện công nghiệp	7.80	Khá	
453	9	c53'	Nguyễn Đức	Hoàng	26/07/2004	Điện công nghiệp	7.95	Khá	
454	10	c53'	Lê Đình	Quyền	25/11/2004	Điện công nghiệp	8.70	Giỏi	
455	11	c53'	Nguyễn Hữu	Trung	07/03/2004	Điện công nghiệp	6.25	Trung bình	
456	12	c53'	Nguyễn Văn	Huy	06/08/1991	Điện công nghiệp	6.30	Trung bình	
457	13	c53'	Trần Văn	Cường	20/03/1998	Điện công nghiệp	6.05	Trung bình	
458	14	c53'	Trịnh Hoàng	An	04/06/2003	Công nghệ Hàn	8.10	Giỏi	
459	15	c53'	Lê Sỹ	Đức	26/11/2004	Công nghệ Hàn	7.40	Khá	
460	16	c53'	Nguyễn Duy	Hòa	25/05/2004	Công nghệ Hàn	8.60	Giỏi	
461	17	c53'	Phan Văn	Sang	25/02/2004	Công nghệ Hàn	6.20	Trung bình	
462	18	c53'	Lê văn	Tấn	30/11/2004	Công nghệ Hàn	6.10	Trung bình	
463	19	c53'	Trần Văn	An	23/04/2004	Kỹ thuật ML & ĐHKK	8.00	Giỏi	
464	20	c53'	Nguyễn Duy	Duy	20/05/2003	Kỹ thuật ML & ĐHKK	7.75	Khá	
465	21	c53'	Lê Bá	Phi	05/04/2004	Kỹ thuật ML & ĐHKK	8.35	Giỏi	
466	22	c53'	Lê Ngọc	Quang	20/09/2004	Kỹ thuật ML & ĐHKK	9.15	Xuất sắc	
467	23	c53'	Nguyễn Văn	Tuấn	09/01/2004	Kỹ thuật ML & ĐHKK	7.25	Khá	
468	24	c53'	Bùi Văn	Trường	01/10/2004	Kỹ thuật ML & ĐHKK	6.35	Trung bình	
469	25	c53'	Lê Ngọc	Quân	26/02/1995	Kế toán doanh nghiệp	7.45	Khá	
470	26	c53'	Nguyễn Đức	Sơn	26/11/2001	Kế toán doanh nghiệp	7.30	Khá	
471	27	c53'	Đỗ Thế	Tùng	08/06/2001	Điện công nghiệp	6.10	Trung bình	
472	28	c53'	Nguyễn Thị Thuý	Dung	21/10/2003	Kế toán doanh nghiệp	8.90	Giỏi	
473	29	c53'	Lê Thị	Thuý	06/10/2002	Kế toán doanh nghiệp	9.50	Xuất sắc	

(Danh sách ấn định có 473 người học)



GIÁM ĐỐC

Bùi Văn Dũng